

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày: 13-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Văn Luyến, bà Dương Thị Thoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đình Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1992 tại: xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn N2, xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Đặng Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/8/2019 có hành vi trộm cắp tài sản tại Bệnh viện đa khoa huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can; bị tạm giữ ngày 12/8/2019, tạm giam ngày 15/8/2019 đến nay; có mặt.

2. Phạm Thị T, sinh năm 1995 tại: xã P, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T; có chồng là Vũ Đình T và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/8/2019 có hành vi trộm cắp tài sản tại Bệnh viện đa khoa huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can; bị tạm giữ ngày 12/8/2019, tạm giam ngày 15/8/2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Mai Xuân Th, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 6, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn S là người sử dụng ma túy, không có việc làm ổn định, thường sống lang thang. Năm 2018 S quen biết Phạm Thị T, hai người thường xuyên chung sống với nhau.

Khoảng 14h00' ngày 25/5/2019, Phạm Văn S cùng Phạm Thị T đi xe buýt từ huyện H về thị trấn N để thăm mẹ đẻ của S đang điều trị thương tích do tai nạn giao thông tại Bệnh viện đa khoa huyện N. Do thấy mệt trong người nên khi đến bệnh viện, S và T đi vào trong khoa nhi tìm giường bệnh không có người điều trị nằm nghỉ. Đến 16h cùng ngày, sau khi ngủ dậy, cả hai ra ghế đá phía Nam khoa nhi ngồi chơi. Khoảng 20 phút sau, S nhìn thấy một người đàn ông (là anh Mai Xuân Th) đi bộ đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOZZA màu xanh, biển kiểm soát (BKS) 36G1-188.09 dựng trong khu trông giữ xe của bệnh viện, cách vị trí S ngồi khoảng 3m, lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện mở cốp xe, kiểm tra giấy tờ bên trong ví, nổ máy xe, nhưng chưa kịp đi thì có mấy người thân đi đến, nên anh Th không đi nữa mà dừng lại nói chuyện. Tiếp đó, nhìn thấy anh Th tắt máy xe nhưng không rút chìa khóa rồi đi bộ cùng mấy người mới đến vào khoa sản, S nảy sinh ý định lấy trộm xe. Thấy anh Th đã đi khuất, S nói với T “Có xe máy trước mặt sẵn chìa khóa, em đi ra ngoài trước để anh lấy xe”. Biết S muốn trộm xe bán lấy tiền chi tiêu cho hai người nên T đồng ý, đứng dậy đi lại chỗ chiếc xe BKS 36G1-188.09 đang dựng để quan sát. Nhìn trên xe còn cắm chìa khóa, T gạt đầu ra hiệu cho S biết, rồi đi bộ ra bên ngoài cổng bệnh viện đứng chờ. Lúc này, sau khi quan sát về hướng anh Th một lần nữa, S đi lại chỗ chiếc xe BKS 36G1-188.09, ngồi lên xe, rồi nổ máy, điều khiển xe đi nhanh qua khu vực soát vé của lực lượng trông giữ xe.

Ra khỏi cổng bệnh viện, S đón T rồi đi về hướng B. Trên đường đi, S nói cho T biết ý định sẽ đem chiếc xe vừa trộm cắp được ra HN tìm chỗ bán. Đến ngã tư B, S mở cốp xe thì phát hiện bên trong có 01 chiếc điện thoại Samsung J7, một chiếc ví da (bên trong có giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe đều mang tên Đặng Thị M) và số tiền mặt khoảng 1.200.000đ. Sau đó S, T đón xe khách, gửi xe máy vào cốp xe ô tô, ra HN, thuê nhà nghỉ trên địa bàn quận C, thành phố HN.

Sáng ngày 26/5/2019, S điều khiển xe chở T đi tìm cửa hàng cầm đồ để cầm cố xe. S bảo T nhận mình là Đặng Thị M, là chủ sở hữu chiếc xe. Đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ T (nhà số 2, phố T, phường M, quận C), gặp anh Trịnh Trọng T là chủ cửa hàng, S và T đã cầm cố chiếc xe, nhận 10.000.000đ, thỏa thuận mức lãi là

1.100đ/01 triệu/01 ngày, nếu trong vòng một tháng mà không đến lấy xe thì cửa hàng sẽ bán thanh lý. Khoảng một tuần sau, khi đã sử dụng hết số tiền cầm cố xe, S và T đem bán chiếc điện thoại Samsung J7 màu đen (là tài sản trong cốp xe) tại một cửa hàng mua bán điện thoại cũ trên địa bàn quận C (không nhớ địa chỉ) được 1.500.000đ, cả hai dùng số tiền này để mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. S và T sống lang thang tại HN một thời gian rồi về thị trấn H thuê nhà nghỉ, đến ngày 12/8/2019 hết tiền tiêu S và T vào Bệnh viện đa khoa huyện H trộm cắp tài sản. Sau đó đến Công an huyện N đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Các tài sản S và T trộm cắp đem bán hiện không thu hồi được. Ông Mai Văn H (người trông giữ xe tại bệnh viện) đã bồi thường cho anh Mai Xuân Th số tiền 10.000.000đ.

Ngày 28/6/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOZZA màu xanh BKS 36G1-188.09 đã qua sử dụng có giá trị 10.600.000đ; 01 điện thoại Samsung J7 có giá trị 1.960.000đ.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSNS-KT ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Văn S và Phạm Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: xử phạt Phạm Văn S từ 12(mười hai) đến 15(mười lăm) tháng tù, Phạm Thị T từ 09(chín) đến 12(mười hai) tháng tù. Ngoài ra KSV còn đề nghị HĐXX buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 3.760.000đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 10.000.000đ.

Các bị cáo Phạm Văn S và Phạm Thị T hoàn toàn thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì, chấp nhận số tiền buộc các bị cáo bồi thường như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với đơn trình báo cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: đơn xin đầu thú; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; sơ đồ hiện trường vụ án; bản ảnh trích xuất từ camera an ninh; biên bản kết luận định giá tài sản ... cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 16h30' ngày 25/5/2019, lợi dụng sự sơ hở của anh Mai Xuân Th, Phạm Văn S và Phạm Thị T đã trộm cắp xe mô tô YAMAHA NOZZA BKS 36G1-188.09 để tại nhà giữ xe Bệnh viện đa khoa huyện N, trị giá 10.600.000đ, bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động Samsung J7, trị giá 1.960.000đ và 1.200.000đ tiền mặt, S và T đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản là 13.760.000đ. Hành vi nêu trên của Phạm Văn S và Phạm Thị T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

Đối với anh Trịnh Trọng T, chủ cửa hàng cầm đồ T cầm cố xe mô tô BKS 36G1-188.09 nhưng không biết là tài sản do S và T trộm cắp mà có, nên miễn xét.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi ấy không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản.

Xét nhân thân: Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, còn trẻ tuổi, nhưng không chịu lao động, mà thể hiện lối sống tự do, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp ở địa bàn huyện N, bán tài sản lấy tiền chi tiêu hết, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tại địa bàn huyện H. Tuy nhiên, các bị cáo đã đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện N và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đầu thú.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Trong đó bị cáo S là người khởi xướng và thực hành tích cực, bị cáo T là người giúp sức, nên cần xét xử bị cáo S mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên, cần cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo đạt lý, thấu tình, cũng như thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản các bị cáo trộm cắp đã đem cầm cố và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, hiện không thu hồi được. Do đó cần buộc các bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể phải bồi thường cho ông Mai Văn H số tiền 10.000.000đ ông đã đền bù cho anh Th, bồi thường cho anh Mai Xuân Th số tiền 3.760.000đ (bao gồm: 600.000đ trị giá còn lại của xe mô tô chưa được bồi thường, 1.960.000đ trị giá chiếc điện thoại di động và 1.200.000đ tiền mặt).

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS).

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn S và Phạm Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: + Bị cáo Phạm Văn S 12(mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, là ngày 12/8/2019.

+ Bị cáo Phạm Thị T 09(chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, là ngày 12/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 587 và 589 BLDS: buộc các bị cáo Phạm Văn S và Phạm Thị T phải liên đới bồi thường cho anh Mai Xuân Th số tiền là 3.760.000đ (ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 1.880.000đ (một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); bồi thường cho ông Mai Văn H số tiền là 10.000.000đ

(mười triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành, nếu người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án: các bị cáo Phạm Văn S và Phạm Thị T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 344.000đ (ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 BLTTHS: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Nga Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

